

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2037/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề cương nhiệm vụ lập báo cáo đánh giá tác động
môi trường Đề án thành lập Khu Nông nghiệp ứng dụng
công nghệ cao tỉnh Thanh Hoá.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2394/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa, đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 1782/BNN-KHCN ngày 04/3/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hoàn thiện hồ sơ, đề án thành lập Khi NNƯDCNC Thanh Hóa; Công văn số 136/CV-HĐND ngày 19/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thanh Hóa;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 74/TTr-SNN&PTNT ngày 29/4/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Đề án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2267/STNMT-BVMT ngày 31/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính sau:

I. NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG

Mở đầu

1. Xuất xứ của dự án
2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường
4. Các phương pháp áp dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

Chương 1

Mô tả tóm tắt dự án

- 1.1. Tên dự án
- 1.2. Chủ dự án
- 1.3. Vị trí địa lý của dự án
- 1.4. Nội dung chủ yếu của dự án (phương án chọn)
 - 1.4.1. *Mô tả mục tiêu của dự án*
 - 1.4.2. *Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án*
 - 1.4.3. *Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.*
 - 1.4.4. *Công nghệ sản xuất, vận hành*
 - 1.4.5. *Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến*
 - 1.4.6. *Nguyên, nhiên, vật liệu và các sản phẩm của dự án*
 - 1.4.7. *Tiến độ thực hiện dự án*
 - 1.4.8. *Vốn đầu tư*
 - 1.4.9. *Tổ chức quản lý và thực hiện dự án*

Chương 2

Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực thực hiện dự án

- 2.1. Điều kiện môi trường tự nhiên
 - 2.1.1. *Điều kiện về địa lý, địa chất*
 - 2.1.2. *Điều kiện về khí hậu, khí tượng*
 - 2.1.3. *Điều kiện thủy văn*
 - 2.1.4. *Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí*
 - 2.1.5. *Hiện trạng tài nguyên sinh vật*
- 2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội
 - 2.2.1. *Điều kiện về kinh tế*
 - 2.2.2. *Điều kiện về xã hội*

Chương 3

Đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án

- 3.1. Đánh giá, dự báo tác động

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn chuẩn bị của dự án
3.1.2. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án
3.1.3. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn hoạt động/vận hành của dự án

3.1.4. Đánh giá, dự báo tác động giai đoạn khác

5.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án

3.2. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Chương 4

Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường của dự án

4.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án

4.1.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

4.1.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.3. Biện pháp phòng ngừa giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn vận hành

4.1.4. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án trong giai đoạn khác

4.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

4.2.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn chuẩn bị

4.2.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn vận hành

4.2.4. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn khác

4.3. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Chương 5

Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Chương trình quản lý môi trường

5.2. Chương trình giám sát môi trường

Chương 6

Tham vấn cộng đồng

6.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

6.1.1. Tóm tắt về quá trình tổ chức tham vấn Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

6.1.2. Tóm tắt về quá trình tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

6.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

6.2.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức chịu tác động trực tiếp bởi dự án

6.2.2. Ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án

6.2.3. Ý kiến phản hồi và cam kết của chủ dự án đối với các đề xuất, kiến nghị, yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư được tham vấn

Kết luận kiến nghị và cam kết

1. Kết luận

2. Kiến nghị

3. Cam kết

Các tài liệu, dữ liệu tham khảo

Liệt kê các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

II. KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT

1. Khảo sát thu thập các số liệu, tài liệu về tài nguyên, môi trường, điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội khu vực dự án;

1.1. Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường

a) Chất lượng không khí

- Các chỉ tiêu quan trắc: bụi lơ lửng tổng số (TSP), CO, NO₂, SO₂, các yếu tố vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, hướng gió và áp suất).

- Vị trí quan trắc: lấy 05 vị trí

- Thời gian và tần suất đo đạc: đo liên tục từ trong 16h, 2 giờ đo một lần, tổng cộng có 8 lần đo đối với mỗi vị trí.

- Số lượng mẫu: 5 vị trí x 8 lần/vị trí/ngày = 40 mẫu.

b) Tiếng ồn

- Các chỉ tiêu quan trắc: L_{eq},

- Vị trí quan trắc: 5 vị trí trùng với vị trí đo chất lượng không khí.

- Thời gian và tần suất đo: đo liên tục trong 8 giờ, mỗi giờ đo 1 lần tức là 8 lần trong ngày.

- Số lượng mẫu: 5 vị trí x 08 mẫu/vị trí = 40 mẫu.

c) Rung động

- Các chỉ tiêu quan trắc: gia tốc rung.

- Vị trí quan trắc: 5 vị trí trùng với vị trí đo chất lượng không khí.

- Thời gian và tần suất đo: đo liên tục trong 8 giờ, mỗi giờ đo 1 lần tức là 08 lần trong ngày.

- Số lượng mẫu: 5 vị trí x 08 mẫu/vị trí = 40 mẫu.

d) Chất lượng nước mặt.

- Các chỉ tiêu quan trắc: Đo đạc và phân tích các chỉ tiêu bao gồm: Nhiệt độ, pH, độ đục, độ dẫn điện, DO, COD, BOD₅, NH₄, NO₃⁻, TSS, Cu, Pb, Zn, Fe, Cd, Dầu, NO₂⁻, PO₄³⁻, Coliform, E.coli.

- Số lượng mẫu: 5 mẫu.

e) Chất lượng nước dưới đất

- Các chỉ tiêu quan trắc: đo đạc và phân tích các chỉ tiêu bao gồm: Nhiệt độ, pH, độ đục, độ cứng (theo CaCO_3), SS, NO_3^- , SO_4^{2-} , Pb, Cd, Fe, As, Mn, Zn, Hg, Coliform, E.coli.

- Vị trí quan trắc: 05 vị trí tại khu dân cư sát khu vực thực hiện dự án

g) Chất lượng môi trường đất

- Các chỉ tiêu quan trắc: Cu, Zn, Cd, Pb, As.
- Vị trí quan trắc: 05 vị trí.
- Số lượng mẫu: 05 mẫu..

2. Tham vấn cộng đồng

Nội dung thực hiện

Chủ Dự án gửi công văn tham vấn và dự thảo báo cáo ĐTM đến chính quyền địa phương nơi thực hiện Dự án để xin ý kiến tham vấn.

Phạm vi thực hiện

Tại các xã, thị trấn thuộc phạm vi Dự án.

3. Tổng hợp số liệu, viết báo cáo chuyên đề

3.1. Chuyên đề về điều kiện tự nhiên, môi trường và kinh tế xã hội khu vực thực hiện dự án

- Chuyên đề điều kiện về địa lý, địa chất, khí tượng thủy văn, các tai biến môi trường, các loại hình thời tiết dị thường có khả năng ảnh hưởng đến quá trình thi công dự án;

- Chuyên đề chất lượng hiện trạng môi trường (không khí, ồn, rung, nước mặt, ngầm, đất, trầm tích), dự báo sơ bộ khả năng chịu tải của môi trường khi tiến hành triển khai dự án.

- Chuyên đề điều kiện về tài nguyên sinh học, hệ sinh thái trên cạn, hệ sinh thái dưới nước, hệ sinh thái đồng ruộng, vườn đồi;

- Chuyên đề điều kiện về kinh tế - xã hội của khu vực thực hiện dự án, điều kiện sống, sinh kế của các hộ dân chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi thu hồi đất, các đối tượng nhạy cảm khu vực (trường học, cơ quan làm việc, cơ sở y tế, tôn giáo, tín ngưỡng...).

3.2. Chuyên đề đánh giá, dự báo tác động môi trường

a) Tác động trong giai đoạn chuẩn bị:

- Chuyên đề đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án;

- Chuyên đề đánh giá tác động của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác;

- Chuyên đề đánh giá tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng: phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng và hoạt động khác.

b) Tác động trong giai đoạn xây dựng:

- Chuyên đề đánh giá tác động của quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đổ thải đến chất lượng không khí, tiếng ồn, độ rung.
- Chuyên đề đánh giá tác động của hoạt động thi công xây dựng các công trình đến môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung;
- Chuyên đề đánh giá tác động của hoạt động thi công các tuyến đường nội bộ đến không khí, tiếng ồn, độ rung;
- Chuyên đề đánh giá tác động đến chất lượng nước mặt, nước ngầm, các hệ sinh thái nước và đất giai đoạn thực hiện dự án;
- Chuyên đề đánh giá tác động đến môi trường do chất thải rắn, phế thải, chất thải nguy hại, chất thải thi công trong quá trình xây dựng;
- Chuyên đề đánh giá tác động đến môi trường không khí, nước mặt, nước ngầm tại các vị trí đổ thải;
- Chuyên đề đánh giá tác động đến xói lở, bồi lắng, tràn đổ, lầy hóa mặt đường trong quá trình thi công;
- Chuyên đề đánh giá tác động đến đời sống dân cư, sức khỏe cộng đồng và các tiện ích cộng đồng khi sử dụng các tuyến đường vận chuyển.
- Chuyên đề đánh giá tác động do tập trung công nhân đến đời sống cộng đồng.
- Chuyên đề đánh giá tác động của các rủi ro, sự cố môi trường (sự cố cháy nổ, an toàn lao động) trong quá trình thi công đường;

c) Tác động trong giai đoạn vận hành:

- Chuyên đề đánh giá tác động đến môi trường do các hoạt động của KCNNUĐCNC.
- Chuyên đề đánh giá tác động của mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; kiểm chế tốc độ suy giảm đa dạng sinh học.

Tác động trong giai đoạn khác:

- Chuyên đề tác động đến môi trường do hoạt động phá dỡ lán trại, hoàn nguyên mặt bằng sử dụng phục vụ thi công, bãi thải.

3.3. Chuyên đề biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn chuẩn bị:

- Chuyên đề giảm thiểu tác động tới các đối tượng thu hồi đất của việc chiếm dụng đất, di dân, tái định cư đối với các hộ dân bị mất đất ở, đất canh tác;
- Chuyên đề giảm thiểu tác động đến dân cư, hoạt động kinh tế xã hội, giảm thiểu tác động đến không khí, ồn, rung, chất thải rắn... của hoạt động phát quang thảm thực vật, san lấp tạo mặt bằng, đường công vụ, vận chuyển chất thải.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn xây dựng:

- Chuyên đề giảm thiểu tác động của quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đổ thải đến chất lượng không khí, tiếng ồn, độ rung.
- Chuyên đề giảm thiểu tác động của hoạt động thi công đến môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung;

- Chuyên đề giảm thiểu tác động đến chất lượng nước mặt, nước ngầm, các hệ sinh thái nước và đất giai đoạn thực hiện dự án;
- Chuyên đề giảm thiểu tác động đến môi trường do chất thải rắn, phế thải, chất thải nguy hại, chất thải thi công trong quá trình xây dựng;
- Chuyên đề giảm thiểu tác động đến xói lở, bồi lắng, tràn đổ, lầy hóa mặt đường trong quá trình thi công;
- Chuyên đề giảm thiểu tác động đến đời sống dân cư, sức khỏe cộng đồng và các tiện ích cộng đồng.
- Chuyên đề Biện pháp giảm thiểu tác động do tập trung công nhân.

c) Biện pháp giảm thiểu tác động trong giai đoạn vận hành:

- Chuyên đề Biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí do dòng xe vận hành trên đường.
- Chuyên đề Biện pháp giảm thiểu tác động do hoạt động của các loại hình hoạt động sản xuất trong khu NNƯDCNC;

3.4. Chuyên đề chương trình quản lý và giám sát môi trường

- Chuyên đề Chương trình quản lý môi trường trong quá trình chuẩn bị, xây dựng và vận hành tuyến đường.
- Chuyên đề Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng dự án.

3.5. Chuyên đề tham vấn cộng đồng

- Chuyên đề Tham vấn cộng đồng và phổ biến thông tin trong quá trình thực hiện dự án.

4. Viết báo cáo tổng hợp

Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của đề án.

5. Thời gian thực hiện

Quý 2 năm 2016

Điều 2. Căn cứ nội dung đề cương được duyệt:

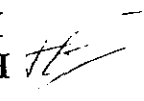
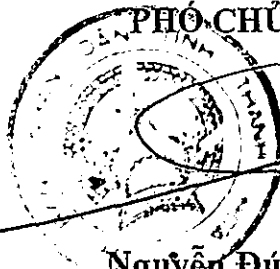
Sở Nông nghiệp và PTNT lập dự toán chi tiết, Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 

Nguyễn Đức Quyền